

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH TƯỜNG
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2019/HNGĐ-ST
Ngày 11 tháng 4 năm 2019
“V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH TƯỜNG, TỈNH VĨNH PHÚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Trọng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đặng Văn Minh

Ông Nguyễn Văn Chung

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thu Trang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa:** Ông Đặng Anh Tuấn- Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 323/2018/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 12 năm 2018 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con; theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2019/QĐXXST- HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Đặng Thị H, sinh năm 1962, “có mặt”.

Hộ khẩu: TDP Yên Cát, thị trấn V, huyện T, Vĩnh Phúc.

Địa chỉ: Thôn Dẫn Tự, xã C, huyện T, Vĩnh Phúc.

- Bị đơn: Ông Đặng Trần A, sinh năm 1954, “vắng mặt”.

Địa chỉ: TDP Yên Cát, thị trấn V, huyện T, Vĩnh Phúc.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 03 tháng 10 năm 2018 và những lời khai tiếp theo cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn bà Đặng Thị H trình bày:

Bà và ông Đặng Trần A đăng ký kết hôn với nhau ngày 09/7/2001 tại UBND thị trấn V, huyện T. Trước khi kết hôn có được tự do tìm hiểu và việc đi đến hôn nhân là hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn bà về làm dâu và chung sống cùng ông A ở Tổ dân phố Yên Cát, thị trấn V, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc.

Thời gian đầu bà và ông A chung sống hạnh phúc, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, ông A thường xuyên uống rượu và đánh đập bà và cháu B khiến bà lo sợ ảnh hưởng đến tính mạng nên đã bỏ về quê ngoại ở xã C sinh sống. Nay bà thấy tình cảm vợ chồng giữa bà và ông A không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn với ông A.

Về con chung: Bà và ông A có 01 con chung là Đặng Trần C, sinh ngày 26/02/2003 (hiện nay cháu C đang ở cùng với bà). Ly hôn bà xin nuôi cháu C và không yêu cầu ông A cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là ông Đặng Trần A trình bày như sau:

Về tình cảm: Ông thừa nhận toàn bộ lời trình bày của bà H về thời gian kết hôn, quá trình chung sống, con chung, mâu thuẫn vợ chồng, thời gian ly thân là đúng, ông không bổ sung gì thêm. Nay bà H xin ly hôn, quan điểm của ông nếu bà H quay về và đưa con về ông vẫn đồng ý, nếu bà H cương quyết ly hôn thì ông cũng đồng ý.

Về con chung: Ông và bà H có 01 con chung là Đặng Trần B, sinh ngày 26/02/2003 (hiện nay cháu B đang ở cùng với bà H). Ly hôn ông đề nghị nuôi cháu B, không yêu cầu bà H phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về kiểm sát tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự:

Về việc tuân theo pháp luật Tổ tụng dân sự của người tiến hành tố tụng và của người tham gia tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tiến hành thụ lý, thu thập chứng cứ và xét xử vụ án theo đúng thẩm quyền, đúng trình tự thủ tục tố tụng mà pháp luật quy định; người tham gia tố tụng bà H đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, ông A chấp hành không đầy đủ phải tự chịu trách nhiệm.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử cho bà Đặng Thị H được ly hôn với ông Đặng Trần A; về con chung giao cho bà H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Đặng Trần B, sinh ngày 26/02/2003. Ông A không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Bà H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo qui định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bà Đặng Thị H khởi kiện yêu cầu được ly hôn ông Đặng Trần A, do đó đây là vụ án xin ly hôn. Bị đơn ông Đặng Trần A hiện có hộ khẩu và cư trú tại Tổ dân phố Yên Cát, thị trấn V, huyện T, Vĩnh Phúc, theo qui định tại các Điều 28, 35 và 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T. Đối với ông A được triệu tập hợp lệ 02 lần để tham gia phiên tòa nhưng đều vắng mặt không có lý do nên Hội

đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông A theo quy định tại Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Bà H ông A kết hôn ngày 09/7/2001 tại UBND thị trấn V, huyện T, trước khi cưới có được tự do tìm hiểu, hôn nhân tự nguyện, tiến bộ vì vậy quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông A là hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Về nguyên nhân mâu thuẫn bà H trình bày do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, ông A thường xuyên uống rượu, bà và cháu B thỉnh thoảng bị ông A đánh đập. Từ tháng 7 năm 2018 đến nay bà và ông A đã ly thân, bà và cháu B đã về quê ngoại ở xã C sinh sống. Đến nay bà xác định tình cảm không còn nên xin được ly hôn ông A. Ông A thừa nhận vợ chồng có nhiều mâu thuẫn trầm trọng, bà H nhất quyết ly hôn ông cũng đồng ý nhưng bà H phải đưa cháu B về để ông nuôi. Như vậy, có thể thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa bà H và ông A đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc bà H xin ly hôn là chính đáng, phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình do đó cần được chấp nhận.

[3] Về nuôi con chung: Bà H ông A có 01 con chung là Đặng Trần B, sinh ngày 26/02/2003 (hiện nay cháu B đang ở cùng với bà H). Ly hôn cả bà H và ông A đều có nguyện vọng xin nuôi cháu B và không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung. Xét yêu cầu của các bên thấy rằng cả bà H và ông A đều đủ điều kiện nuôi con, tuy nhiên bà H là phụ nữ, có đủ điều kiện về kinh tế để nuôi dưỡng cháu B hơn nữa cháu B cũng có nguyện vọng ở với bà H, do đó cần chấp nhận yêu cầu của bà H về việc nuôi dưỡng cháu B. Ông A không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền và nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung: Tòa án không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Bà H phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56, 58, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban A vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Bà Đặng Thị H được ly hôn với ông Đặng Trần A.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Đặng Trần B, sinh ngày 26/02/2003 cho bà H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục (cháu B hiện nay đang ở với bà H). Ông A không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Tòa án không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Bà Đặng Thị H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số: AA/2017/0001984 ngày 18 tháng 12 năm 2018 của Chi cục Thi hành dân sự huyện T.

Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Vĩnh Tường;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Tường;
- UBND thị trấn Vĩnh Tường;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Nguyễn Xuân Trọng